TÒA ÁN ND HUYỆN SƠN ĐỘNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40** /2024/HS-ST
Ngày 28 - 11- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bắc;
2. Ông Nguyễn Ngọc Ngát;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức – Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST – HS ngày 07/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2024/QĐXXST – HS ngày 21/11/2024, đối với bị cáo:

Hà Văn Y, sinh năm 2002;

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Chức vụ, đoàn thể, Đảng phái: Không.

Họ và tên bố Hà Văn T; Họ và tên mẹ Hà Thị D; Bị cáo có 03 chị em ruột, bản thân là con thứ hai trong gia đình; Vợ chon chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ 26/12/2023 đến ngày 23/5/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1993; có đơn xin vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn Y, Xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1988; Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ dân phố số C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1977; Vắng mặt
Nơi cư trú: Xóm C, thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

4. Bà Đỗ Ngọc H1, sinh năm 1995; Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ dân phố số 6, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

5. Bà Vũ Thị Thu T1, sinh năm 1984; có đơn xin vắng mặt
Nơi cư trú: Phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

6. Bà Vũ Thị Kim N1, sinh năm 1991; Vắng mặt
Nơi cư trú: Số H L, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Trần Thị D1, sinh năm 1981; Vắng mặt
Nơi cư trú: Xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

8. Bà Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh năm 1997; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn 6C, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắc Lắk

9. Bà Đỗ Thị Kim D2, sinh năm 1984; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội.

10. Bà Lê Thị Ly T3, sinh năm 1987; Vắng mặt
Nơi cư trú: Số A T, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

11. Bà Nguyễn Thị Giang H2, sinh năm 1992; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

12. Bà Võ Minh P, sinh năm 1984; Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ A, ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

13. Bà Hoàng Thị Tuyết N2, sinh năm 1994; có đơn xin vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

14. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1984; có đơn xin vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

15. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1981; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

16. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1989; có đơn xin vắng mặt
Nơi cư trú: Số C, tiểu khu D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

17. Ông Lê Công Q, sinh năm 1990; có đơn xin vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

18. Bà Ngô Thị H3, sinh năm 1985; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn F, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An.

19. Bà Trịnh Thị T5, sinh năm 1984; Vắng mặt
Nơi cư trú: Khu T,. phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

20. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1992; có đơn xin vắng mặt
Nơi cư trú: Khu F, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

21. Ông Vũ Lâm H5, sinh năm 1983; Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ G, khu G, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

22. Bà Bùi Thị Phương D3, sinh năm 1995; Vắng mặt
Nơi cư trú: Căn hộ S, tháp B (H,CT2B), khu nhà ở H, khu đô thị M, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

23. Ông Lê Xuân H6, sinh năm 1985; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn H. xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

24. Bà Bùi Thị T6, sinh năm 1991; Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ E, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

25. Bà Hà Thị B, sinh năm 1989; Vắng mặt
Nơi cư trú: Xóm D, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

26. Ông Cao Lâm Q1, sinh năm 1992; Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ B, thôn T, xã B, huyện C, Bà Rịa - Vũng Tàu.

27. Bà Nguyễn Thị Bích H7, sinh năm 1992; có đơn xin vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

28. Bà Đinh Thị Huyền T7, sinh năm 1986; Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ E, phường L, quận L, thành phố Hà Nội.

29. Ông Đông Xuân T8, sinh năm 1990; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

30. Bà Nguyễn Thị Thúy N4, sinh năm 1989; Vắng mặt
Nơi cư trú: Khu phố H, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

31. Bà Trần Thị H8, sinh năm 1990; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

32. Bà Nguyễn Thị N5, sinh năm 1994; Vắng mặt
Nơi cư trú: Khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

33. Bà Nguyễn Hồng V, sinh năm 1988; Vắng mặt
Nơi cư trú: Số H, đường số B, phường T, thành phố T, Hồ Chí Minh.

34. Bà Bùi Thị Kim A, sinh năm 1994; Vắng mặt
Nơi cư trú: Xóm B, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

35. Bà Nguyễn Đàm Kiều O, sinh năm 1991; Vắng mặt
Nơi cư trú: D3 - Ô C2 KDC V khu phố H, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

36. Bà Nguyễn Thị Hồng T9, sinh năm 1996; Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ C , Khu H, phường Q, thành phố U, Quảng Ninh.

37. Bà Nguyễn Thị Ngọc H9, sinh năm 1997; Vắng mặt
Nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

38. Bà Phạm Thị Lệ T10, sinh năm 1988; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

39. Bà Nguyễn Thị Ngọc T11, sinh năm 1984; Vắng mặt
Nơi cư trú: Số B, đường số D, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

40. Bà Nguyễn Thúy L1, sinh năm 1987; Vắng mặt
Nơi cư trú: Phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

41. Bà Nguyễn Thị Khánh L2, sinh năm 2001; Vắng mặt
Nơi cư trú: Số nhà B, đường T, khu phố số D, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

42. Bà Vũ Tuyết N6, sinh năm 1978; Vắng mặt
Nơi cư trú: C21 BT7, khu đô thị V, phường V, quận L, thành phố Hà Nội.

43. Bà Hoàng Thị Ngọc T12, sinh năm 1981; Vắng mặt
Nơi cư trú: C T, Tổ G, thị trấn L, Đ, Lâm Đồng.

44. Bà Nguyễn Thị T13, sinh năm 1988; Vắng mặt
Nơi cư trú: B T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

45. Bà Đạo Thị Mỹ H10, sinh năm 1985; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện N, Ninh Thuận.

46. Bà Nguyễn Thị Phương D4, sinh năm 1965; Vắng mặt
Nơi cư trú: G B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

47. Ông Trần Duy V1, sinh năm 1979; có đơn xin vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

48. Bà Hoàng Thị Mai H11, sinh năm 1994; Vắng mặt
Nơi cư trú: Khu B, thị trấn B, huyện B, Quảng Ninh.

49. Bà Vi Thị Mai A1, sinh năm 2003; Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn R, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Văn T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hà Văn Ý là đối tượng không có nghề nghiệp, do không có tiền chi tiêu, Ý này sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác bằng việc đăng thông tin rao bán sữa lên các hội nhóm facebook để người mua tin tưởng, chuyển đặt cọc tiền mua sữa cho Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Thực hiện ý định, Ý sử dụng số điện thoại 0933.991.444 đăng ký tạo tài khoản facebook "Thùy Nguyễn" và đăng thông tin rao bán sữa kèm hình ảnh kho sữa trên các hội nhóm facebook như "Hội săn sale sữa TH true milk và TRUE MILK", "Sữa Đặc Bắc Giang"; mở 04 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản số 00000174314 mở tại Ngân hàng T15; tài khoản số 5656666666 mở tại Ngân hàng TMCP P2 (O1): tài khoản số 11770531 mở tại Ngân hàng TMCP Á (A2) và tài khoản số 9283869999 mở tại Ngân hàng TMCP K để nhận tiền đặt cọc mua sữa.

Khi có người hỏi mua sữa, Ý đưa ra các thông tin gian dối về việc có các loại sữa đang được giảm giá, nếu mua nhiều sẽ được giá ưu đãi... để người mua tin tưởng và yêu cầu họ chuyển khoản đặt cọc tiền mua sữa vào các tài khoản của Ý; sau khi người mua chuyển tiền đặt cọc mua sữa thì Ý chặn liên lạc và chiếm đoạt số tiền này. Bằng thủ đoạn nêu trên, trong thời gian từ ngày 08/02/2023 đến tháng 17/11/2023, Ý đã chiếm đoạt tiền đặt cọc mua sữa của 49 người bị hại với tổng số tiền 124.319.000đ, cụ thể như sau:

Ngày 08/02/2023, chị Nguyễn Thị Hồng L chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 19/02/2023, anh Lê Văn N chuyển khoản số tiền 3.100.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 20/02/2023, chị Nguyễn Thị Mỹ H chuyển khoản số tiền 3.700.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 22/02/2023, chị Đỗ Ngọc H1 chuyển khoản số tiền 940.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 26/02/2023, chị Vũ Thị Thu T1 chuyển khoản số tiền 3.600.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 08/3/2023, chị Vũ Thị Kim N1 chuyển khoản số tiền 3.100.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 06/3/2023, chị Trần Thị D1 chuyển khoản số tiền 246.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 07/3/2023, chị Nguyễn Thị Tuyết T2 chuyển khoản số tiền 500.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 18/3/2023, chị Đỗ Thị Kim D2 chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 10/4/2023, chị Lê Thị Ly T3 chuyển khoản số tiền 3.250.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 27/4/2023, chị Nguyễn Thị Giáng H12 chuyển khoản số tiền 4.200.000 đồng đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 02/5/20023, Võ Minh P chuyển khoản số tiền 1.220.000 đông đến số tài khoản 00000174314 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng T16 để đặt mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 08/5/2023, chị Hoàng Thị Tuyết N2 chuyển khoản số tiền 3.520.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 11/5/2023, chị Nguyễn Thị T4 chuyển khoản số tiền 5.150.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 19/5/2023, chị Nguyễn Thị N3 chuyển khoản số tiền 950.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt..

Ngày 02/6/2023, chị Lê Thị Y chuyển khoản số tiền 1.350.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 05/6/2023, Lê Công Q chuyển khoản số tiền 500.000 đông đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 12/6/2023, chị Ngô Thị H3 chuyển khoản số tiền 200.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 21/6/2023, chị Nguyễn Thị H4 chuyển khoản số tiền 1.060.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 12/6/2023, chị Trịnh Thị T5 chuyển khoản số tiền 1.070.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 14/6/2023, Vũ Lâm H5 chuyển khoản số tiền 1.070.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 22/6/2023, chị Bùi Thị Phương N7 chuyển khoản số tiền 300.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 18/7/2023, Lê Xuân H6 chuyển khoản số tiền 3.000.000 đông đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 22/7/2023, chị Bùi Thị T6 chuyển khoản số tiền 4.100.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 08/8/2023, chị Hà Thị B chuyển khoản số tiền 2.430.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 11/8/2023, Cao Lâm Q1 chuyển khoản số tiền 2.920.000 đồng đến số tài khoản 5656666666 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP P2 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 12/8/2023, chị Nguyễn Thị Bích H7 chuyển khoản số tiền 16.211.000 đồng đến số tài khoản 5656666666 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP P2 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 21/8/2023, chị Đinh Thị Huyền T7 chuyển khoản số tiền 625.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 06/9/2023, Đông Xuân T8 chuyển khoản số tiền 750.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 07/9/2023, chị Nguyễn Thị Thúy N4 chuyển khoản số tiền 3.700.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 07/9/2023, chị Trần Thị H8 chuyển khoản số tiền 675.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 13/9/2023, chị Nguyễn Thị N5 chuyển khoản số tiền 5.205.000 đồng đến số tài khoản 5656666666 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP P2 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 25/9/2023, Nguyễn Hồng V chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 27/9/2023, chị Bùi Thị Kim A chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng đến số tài khoản 11770531 của Hà Văn Ý mở tại nngân hàng TMCP Á (A2) để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 27/9/2023, Nguyễn Đàm Kiều O chuyển khoản số tiền 1.375.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 02/10/2023, chị Nguyễn Thị Hồng T9 chuyển khoản số tiền 3.200.000 đồng đến số tài khoản 11770531 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP Á (A2) để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 02/10/2023, chị Nguyễn Thị Ngọc H9 chuyển khoản số tiền 295.000 đồng đến số tài khoản 11770531 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP Á (A2) để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 11/10/2023, chị Phạm Thị Lê T14 chuyển khoản số tiền 3.100.000 đồng đến số tài khoản 11770531 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP Á (A2) để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 20/10/2023, chị Nguyễn Thị Ngọc T11 chuyển khoản số tiền 1.800.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 24/10/2023, chị Nguyễn Thúy L1 chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng đến số tài khoản 11770531 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP Á (A2) để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 25/10/2023, chị Nguyễn Thị Khánh L2 chuyển khoản số tiền 1.364.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 27/10/2023, chị Vũ Tuyết N6 chuyển khoản số tiền 2.600.000 đồng đến số tài khoản 11770531 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP Á (A2) để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 27/10/2023, chị Hoàng Thị Trúc Q2 chuyển khoản số tiền 1.663.000 đồng đến số tài khoản 11770531 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP Á (A2) để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 27/10/2023, chị Nguyễn Thị T13 chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng đến số tài khoản 11770531 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP Á (A2) để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 30/10/2023, chị Đạo Thị Mỹ H10 chuyển khoản số tiền 735.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 06/11/2023, chị Nguyễn Thị Phương D4 chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng đến số tài khoản 9283869999 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP K để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 07/11/2023, Trần Duy V1 chuyển khoản số tiền 3.800.000 đồng đến số tài khoản 5656666666 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP P2 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 08/11/2023, chị Hoàng Thị Mai H11 chuyển khoản số tiền 8.245.000 đồng đến tài khoản số 5656666666 Ngân hàng TMCP P2 và số 11770531 Ngân hàng TMCP Á của Hà Văn Ý để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Ngày 17/11/2023, chị Vi Thị Mai A1 chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng đến số tài khoản 5656666666 của Hà Văn Ý mở tại Ngân hàng TMCP P2 để đặt cọc mua sữa của Ý và bị Ý chiếm đoạt.

Sau khi chuyển tiền đặt cọc mua sữa cho Hà Văn Ý nhưng không thấy Ý gửi sữa, chặn liện hệ qua Facebook và điện thoại, chị Vi Thị Mai A1 và Nguyễn Thị Hồng T9 đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Bắc Giang tố cáo Hà Văn Ý có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Ngày 26/12/2023, Hà Văn Ý đã đến Công an xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Hà Văn Ý thu giữ số tiền 1.060.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu titan; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, lắp 02 sim (Sim 1 số: 0989004828; Sim 02 số: 0934371802), máy cũ đã qua sử dụng; 03 thẻ ngân hàng đều mang tên HA VAN Y; 01 xe mô tô biển kiểm soát 34S1,146.03; 01 xe mô tô biển kiểm soát 34M1, 014.35; 01 đăng ký xe mô tô biển số 34M1, 014.35 và 01 phiếu xuất kho bán hàng ghi ngày 25/11/2023.

Kiểm tra điện thoại của Hà Văn Ý; các bị hại Vi Thị Mai A1, Nguyễn Thị Hồng T9 có nội dung trao đổi liên quan đến việc mua bán sữa. Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ bản in nội dung trao đổi mua bán sữa giữa Ý với các bị hại và cho Ý xem lại, Ý xác nhận là đúng.

Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành thu giữ lịch sử giao dịch các tài khoản ngân hàng của Hà Văn Ý thấy có lịch sử giao dịch đặt cọc tiền mua sữa của các bị hại cho Hà Văn Ý (các mã chuyển khoản đều ghi nội dung đặt cọc mua sữa).

Kết quả xác minh tại các hãng, công ty S đều xác định Ý không làm đại lý hay có giao dịch mua bán sữa với các hãng, công ty S.

3. Quá trình điều tra, truy tố Hà Văn Ý khai nhận hành vi phạm tội như trên; Ý không làm đại lý hay mua bán sữa với các hãng, công ty S; Ý một mình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mọi người; số tiền chiếm đoạt được của người bị hại, Ý đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

4. Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 04/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

5. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hà Văn Ý phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2, 5 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn Ý từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ 26/12/2023 đến ngày 23/5/2024.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phải nộp số tiền từ 15 đến 20 triệu đồng sung công quỹ nhà nước.

Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 Bộ luật Dân sự; Buộc Hà Văn Ý phải trả cho chị Lê Thị Ly T3 số tiền 3.250.000đ, bà Vũ Thị Thu T1 số tiền 3.600.000đ, chị Nguyễn Thị Giáng H12 số tiền 4.200.000đ, ông Lê Văn N số tiền 3.100.000đ, chị Cao Lâm Q1 số tiền 2.920.000đ, chị Nguyễn Thị Bích H7 số tiền 16.211.000đ, bà Nguyễn Thị Ngọc T11 số tiền 1.800.000đ, chị Hoàng Thị Mai H11 số tiền 8.245.000đ, chị Vi Thị Mai A1 số tiền 2.000.000đ, chị Nguyễn Thị Hồng T9 số tiền 3.200.000đ, bà Phạm Thị Lê T14 số

tiền 3.100.000đ, bà Nguyễn Thị T13 số tiền 7.000.000đ, chị Hoàng Thị Tuyết N2 số tiền 3.500.000đ, bà Nguyễn Thị T4 số tiền 5.150.000đ, bà Nguyễn Thị N3 số tiền 4.000.000đ, bà Lê Thị Y số tiền 1.350.000đ, bà Ngô Thị H3 số tiền 200.000đ, bà Nguyễn Thị H4 số tiền 1.000.000đ, bà Hà Thị B số tiền 2.430.000đ, bà Đinh Thị Huyền T7 số tiền 3.625.000đ, anh Đông Xuân T8 số tiền 750.000đ, bà Nguyễn Thị Thúy N4 số tiền 3.700.000đ, chị Nguyễn Thị Ngọc T11 số tiền 6.940.000đ, chị Nguyễn Đàm Kiều O số tiền 1.375.000đ, ông Lê Xuân H6 số tiền 3.000.000đ, ông Trần Duy V1 số tiền là 3.800.000đ và chị Bùi Thị T6 số tiền 4.100.000đ.

Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại: Bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền là 3.000.000đ, chị Đỗ Ngọc H1 số tiền là 300.000đ, bà Đỗ Thị Kim D2 số tiền là 1.000.000đ, bà Trần Thị D1 số tiền là 246.000đ, anh Lê Công Q số tiền là 500.000đ, bà Nguyễn Thị Phương D4 số tiền là 1.000.000đ, bà Trịnh Thị T5 số tiền là 3.000.000đ, ông Vũ Lâm H5 số tiền là 1.070.000đ, chị Bùi Thị Phương N7 số tiền là 300.000đ, chị Trần Thị H8 số tiền là 675.000đ, chị Nguyễn Thị Khánh L2 số tiền là 1.334.000đ và bà Đạo Thị Mỹ H10 số tiền là 735.000đ. Các bị hại trên không yêu cầu Hà Văn Ý phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại: Chị Vũ Thị Kim N1 số tiền là 3.100.000đ, chị Nguyễn Thị Tuyết T2 số tiền là 500.000đ, bà Võ Minh P số tiền là 1.220.000đ; Chị Nguyễn Thị Hồng L số tiền là 1.000.000đ, chị Bùi Thị Kim A số tiền là 1.000.000đ, chị Nguyễn Thị Ngọc H9 số tiền là 295.000đ, bà Vũ Tuyết N6 số tiền là 2.600.000đ, bà Hoàng Thị Ngọc T12 số tiền là 1.663.000đ, bà Nguyễn Thúy L1 số tiền là 1.500.000đ, chị Nguyễn Hồng V số tiền là 3.000.000đ. Quá trình điều tra xác định những người này không có mặt tại địa phương nên không thu thập được lời khai nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6Plus màu vàng, số tiền 1.060.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu tím BKS 34S1-146.03 bị cáo không dùng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự. Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu titan; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, lắp 02 sim (Sim 1 số: 0989004828; Sim 02 số: 0934371802), máy cũ đã qua sử dụng; 01 thẻ sim số có dãy số 8984000030165039, 01 thẻ sim số có dãy số 0931564330. Tịch thu tiêu hủy 03 thẻ ngân hàng đều mang tên HA VAN Y.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 5.177. 000đ án phí DSST.

6. Tại phiên tòa bị cáo Hà Văn Ý thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai tố cáo, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định và hợp pháp.

2. Về sự vắng mặt của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Vũ Thị Kim N1, chị Nguyễn Thị Tuyết T2, bà Võ Minh P, chị Nguyễn Thị Hồng L, chị Bùi Thị Kim A, chị Nguyễn Thị Ngọc H9, bà Vũ Tuyết N6, bà Hoàng Thị Ngọc T12, bà Nguyễn Thúy L1, chị Nguyễn Hồng V (quá trình điều tra xác định những người này không có mặt tại địa phương và đã chuyển chỗ ở nên không xác định được địa chỉ). Chị Lê Thị Ly T3, chị Nguyễn Thị Giáng H12, ông Lê Văn N, chị Cao Lâm Q1, bà Nguyễn Thị Ngọc T11, chị Hoàng Thị Mai H11, chị Vi Thị Mai A1, chị Nguyễn Thị Hồng T9, bà Phạm Thị Lê T14, bà Nguyễn Thị T13, bà Nguyễn Thị N3, bà Ngô Thị H3, bà Hà Thị B, bà Đinh Thị Huyền T7, anh Đông Xuân T8, bà Nguyễn Thị Thúy N4, chị Nguyễn Thị Ngọc T11, chị Nguyễn Đàm Kiều O, ông Lê Xuân H6, chị Bùi Thị T6, bà Nguyễn Thị Mỹ H, chị Đỗ Ngọc H1, bà Đỗ Thị Kim D2, bà Trần Thị D1, bà Nguyễn Thị Phương D4, bà Trịnh Thị T5, ông Vũ Lâm H5, chị Bùi Thị Phương N7, chị Trần Thị H8, chị Nguyễn Thị Khánh L2 và bà Đạo Thị Mỹ H10. Tòa án đã triệu tập phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; bà Vũ Thị Thu T1, chị Hoàng Thị Tuyết N2, bà Nguyễn Thị T4, bà Lê Thị Y, anh Lê Công Q, bà Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị Bích H7, ông Trần Duy V1 và ông Hà Văn T có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Tại phiên tòa bị cáo Hà Văn Ý thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì đã có đủ cơ sở kết luận: Do không có tiền chi tiêu, Hà Văn Ý nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác bằng việc đăng thông tin rao bán sữa lên các hội nhóm facebook để người mua tin tưởng, chuyển đặt cọc tiền mua sữa cho Ý và bị Ý chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn trên, trong thời gian từ ngày 08/02/2023 đến ngày 17/11/2023, Hà Văn Ý đã lừa đảo chiếm đoạt của 49 người bị hại với tổng số tiền là 124.319.000đ, bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi trên của bị cáo Hà Văn Ý đã thực hiện dùng thủ đoạn gian rối với lỗi cố ý rất tinh vi để các bị hại tin tưởng chuyển tiền cho bị cáo nhiều lần; hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ các lần phạm tội vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị về điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí đối với bị cáo là phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Xét tính chất của vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mục đích phạm tội của bị cáo là để lấy tiền chi tiêu cá nhân, hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về tài sản cho chủ sở hữu mà còn gây mất trật tự an ninh xã hội; Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm về hình sự, dân sự do bị cáo gây ra.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng đã áp dụng tình tiết định khung nên không áp tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo từng tham gia quân ngũ và Ban chấp hành đoàn xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương biểu dương vì có tinh thần hăng hái viết đơn xin nhập ngũ; Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt; Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội đối với bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe bị cáo, phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

5. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên áp dụng ở mức đầu của khung hình phạt.

6. Về trách nhiệm dân sự:

Những người bị hại Lê Thị Ly T3 bị chiếm đoạt số tiền là 3.250.000đ, bà Vũ Thị Thu T1 bị chiếm đoạt số tiền là 3.600.000đ, chị Nguyễn Thị Giáng H12 bị chiếm đoạt số tiền là 4.200.000đ, ông Lê Văn N bị chiếm đoạt số tiền là 3.100.000đ, chị Cao Lâm Q1 bị chiếm đoạt số tiền là 2.920.000đ, chị Nguyễn Thị Bích H7 bị chiếm đoạt số tiền là 16.211.000đ, bà Nguyễn Thị Ngọc T11 bị chiếm đoạt số tiền là 1.800.000đ, chị Hoàng Thị Mai H11 bị chiếm đoạt số tiền là 8.245.000đ, chị Vi Thị Mai A1 bị chiếm đoạt số tiền là 2.000.000đ, chị Nguyễn Thị Hồng T9 bị chiếm đoạt số tiền là 3.200.000đ, bà Phạm Thị Lê T14 bị chiếm đoạt số tiền là 3.100.000đ, bà Nguyễn Thị T13 bị chiếm đoạt số tiền là 7.000.000đ, chị Hoàng Thị Tuyết N2 bị chiếm đoạt số tiền là 3.500.000đ, bà Nguyễn Thị T4 bị chiếm đoạt số tiền là 5.150.000đ, bà Nguyễn Thị N3 bị chiếm đoạt số tiền là 4.000.000đ, bà Lê Thị Y bị chiếm đoạt số tiền là 1.350.000đ, bà Ngô Thị H3 bị chiếm đoạt số tiền là 200.000đ, bà Nguyễn Thị H4 bị chiếm đoạt số tiền là 1.000.000đ, bà Hà Thị B yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền bị chiếm đoạt là 2.430.000đ, bà Đinh Thị Huyền T7 bị chiếm đoạt số tiền là 3.625.000đ, anh Đông Xuân T8 bị chiếm đoạt số tiền là 750.000đ, bà Nguyễn Thị Thúy N4 bị chiếm đoạt số tiền là 3.700.000đ, chị Nguyễn Thị Ngọc T11 bị chiếm đoạt số tiền là 6.940.000đ, chị Nguyễn Đàm Kiều O bị chiếm đoạt số tiền là 1.375.000đ, ông Lê

Xuân H6 bị chiếm đoạt số tiền là 3.000.000đ, ông Trần Duy V1 số tiền là 3.800.000đ và chị Bùi Thị T6 bị chiếm đoạt số tiền là 4.100.000đ. Những người bị hại trên yêu cầu bị cáo phải trả lại, bị cáo chưa trả nên buộc bị cáo phải trả số tiền trên cho các bị hại.

Những người bị hại gồm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H bị chiếm đoạt số tiền là 3.000.000đ, chị Đỗ Ngọc H1 bị chiếm đoạt số tiền là 300.000đ, bà Đỗ Thị Kim D2 bị chiếm đoạt số tiền là 1.000.000đ, bà Trần Thị D1 bị chiếm đoạt số tiền là 246.000đ, anh Lê Công Q bị chiếm đoạt số tiền là 500.000đ, bà Nguyễn Thị Phương D4 bị chiếm đoạt số tiền là 1.000.000đ, bà Trịnh Thị Thiết B1 chiếm đoạt số tiền là 3.000.000đ, ông Vũ Lâm H5 bị chiếm đoạt số tiền là 1.070.000đ, chị Bùi Thị Phương N7 bị chiếm đoạt số tiền là 300.000đ, chị Trần Thị H8 bị chiếm đoạt số tiền là 675.000đ, chị Nguyễn Thị Khánh L2 bị chiếm đoạt số tiền là 1.334.000đ và bà Đạo Thị Mỹ H10 bị chiếm đoạt số tiền là 735.000đ. Do các bị hại trên không yêu cầu Hà Văn Ý phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Những người bị hại chị Vũ Thị Kim N1 bị chiếm đoạt số tiền là 3.100.000đ, chị Nguyễn Thị Tuyết T2 bị chiếm đoạt số tiền là 500.000đ, bà Võ Minh P bị chiếm đoạt số tiền là 1.220.000đ; Chị Nguyễn Thị Hồng L bị chiếm đoạt số tiền là 1.000.000đ, chị Bùi Thị Kim A bị chiếm đoạt số tiền là 1.000.000đ, chị Nguyễn Thị Ngọc H9 bị chiếm đoạt số tiền là 295.000đ, bà Vũ Tuyết N6 bị chiếm đoạt số tiền là 2.600.000đ, bà Hoàng Thị Ngọc T12 bị chiếm đoạt số tiền là 1.663.000đ, bà Nguyễn Thúy L1 bị chiếm đoạt số tiền là 1.500.000đ, chị Nguyễn Hồng V bị chiếm đoạt số tiền là 3.000.000đ. Quá trình điều tra xác định những người này không có mặt tại địa phương và không xác định được địa chỉ nên cơ quan điều tra không thu thập được lời khai; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với ông Trần Duy V1, quá trình điều tra ông V1 không có đăng ký nhân khẩu thường trú tại Tổ H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng như địa chỉ khi đăng ký mở số tài khoản tại Ngân hàng TMCP P3 (OCB) nên cơ quan điều tra không thu thập được lời khai của ông V1. Quá trình điều tra bị cáo chỉ thừa nhận có giao dịch và ông V1 chuyển tiền mua sữa cho bị cáo là 3.800.000đ; cơ quan điều tra đã sao kê toàn bộ 04 số tài khoản của bị cáo nhận tiền từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023 thì việc giao dịch chuyển tiền giữa ông V1 với bị cáo chỉ có 3.800.000đ như bị cáo khai nhận. Ngày 17/11/2024 ông V1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, trong đơn có yêu cầu bị cáo phải trả số tiền là 240.000.000đ; số tiền này ông V1 không trình báo cơ quan điều tra, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét giải quyết là có căn cứ. Ngoài số tiền bị cáo chiếm đoạt phải trả cho ông V1 thì số tiền còn lại ông V1 có quyền làm đơn đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6Plus, màu vàng, số tiền 1.060.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu tím BKS 34S1-146.03

bị cáo không dùng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu titan; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, lắp 02 sim (Sim 1 số: 0989004828; Sim 02 số: 0934371802), máy cũ đã qua sử dụng; 01 thẻ sim số có dãy số 8984000030165039, 01 thẻ sim số có dãy số 0931564330, bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 03 thẻ ngân hàng đều mang tên HA VAN Y bị cáo dùng vào việc phạm tội, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 phiếu xuất kho bán hàng ghi ngày 25/11/2023 chuyển thành tài liệu trong hồ sơ vụ án nên không xem xét.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa Công an huyện S bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động (tất các các vật chứng đã được niêm phong trong phong bì thư).

Đối với 01 điện thoại Iphone 12 Promax; 01 điện thoại Iphone 14 Promax Hà Văn Ý sử dụng để liên lạc lừa đảo chiếm đoạt tài sản Hà Văn Ý khai bị rơi mất không rõ mất ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34M1- 014.35 và 01 đăng ký xe mô tô. Kết quả điều tra xác định là của ông Hà Văn T (bố đẻ Hà Văn Ý) không liên quan đến hành vi phạm tội của Hà Văn Ý. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại cho ông Hà Văn T là có căn cứ.

8. Về án phí*:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

9. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định theo Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 2, 5 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hà Văn Ý 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; bị cáo được trừ thười gian tạm giam từ 26/12/2023 đến ngày 23/5/2024.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phải nộp số tiền 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc Hà Văn Ý phải trả cho chị Lê Thị Ly T3 số tiền 3.250.000đ, bà Vũ Thị Thu T1 số tiền 3.600.000đ, chị Nguyễn Thị Giáng H12 số tiền 4.200.000đ, ông Lê Văn N số tiền 3.100.000đ, chị Cao Lâm Q1 số tiền 2.920.000đ, chị Nguyễn Thị Bích H7 số tiền 16.211.000đ, bà Nguyễn Thị Ngọc T11 số tiền 1.800.000đ, chị Hoàng Thị Mai H11 số tiền 8.245.000đ, chị Vi Thị Mai A1 số tiền 2.000.000đ, chị Nguyễn Thị Hồng T9 số tiền 3.200.000đ, bà Phạm Thị Lê T14 số tiền 3.100.000đ, bà Nguyễn Thị T13 số tiền 7.000.000đ, chị Hoàng Thị Tuyết N2 số tiền 3.500.000đ, bà Nguyễn Thị T4 số tiền 5.150.000đ, bà Nguyễn Thị N3 số tiền 4.000.000đ, bà Lê Thị Y số tiền 1.350.000đ, bà Ngô Thị H3 số tiền 200.000đ, bà Nguyễn Thị H4 số tiền 1.000.000đ, bà Hà Thị B số tiền 2.430.000đ, bà Đinh Thị Huyền T7 số tiền 3.625.000đ, anh Đông Xuân T8 số tiền 750.000đ, bà Nguyễn Thị Thúy N4 số tiền 3.700.000đ, chị Nguyễn Thị Ngọc T11 số tiền 6.940.000đ, chị Nguyễn Đàm Kiều O số tiền 1.375.000đ, ông Lê Xuân H6 số tiền 3.000.000đ, ông Trần Duy V1 số tiền là 3.800.000đ và chị Bùi Thị T6 số tiền 4.100.000đ. Tổng cộng là 103.546.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, chị Đỗ Ngọc H1, bà Đỗ Thị Kim D2, bà Trần Thị D1, anh Lê Công Q, bà Nguyễn Thị P1, bà Trịnh Thị T5, ông Vũ Lâm H5, chị Bùi Thị Phương N7, chị Trần Thị H8, chị Nguyễn Thị Khánh L2, bà Đạo Thị M, chị Vũ Thị Kim N1, chị Nguyễn Thị Tuyết T2, bà Võ Minh P, chị Nguyễn Thị Hồng L, chị Bùi Thị Kim A, chị Nguyễn Thị Ngọc H9, bà Vũ Tuyết N6, bà Hoàng Thị Ngọc T12, bà Nguyễn Thúy L1 và chị Nguyễn Hồng V; do các bị hại không yêu cầu và chưa có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6Plus màu vàng, số tiền 1.060.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu tím BKS 34S1-146.03, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu titan; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, lắp 02 sim (Sim 1 số: 0989004828; Sim 02 số: 0934371802), máy cũ đã qua sử dụng; 01 thẻ sim số có dãy số 8984000030165039, 01 thẻ sim số có dãy số 0931564330.

Tịch thu tiêu hủy 03 thẻ ngân hàng đều mang tên HA VAN Y.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự và 5.177.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện SĐ;
- Công an huyện SĐ;
- Chi cục THADS huyện SĐ;
- Sở Tư pháp tỉnh BG;
- UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn